

# Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo Theo Cách Đoàn Tụ



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5615 ARLINGTON, VA 22205-0615  
TELEPHONE 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

IV 116072

VIEW

I-171: ☒ Yes ☐ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM REFUGEE CAMP IN MALAYSIA =  
Last LÊ Middle TRẦN First CAI
- Current Address MCH 53 CAMP PULAU BIDONG  
GPO - MR CSTMS BOX 13468 - 50778 KUALALUMPUR
- Date of Birth OCTOBER 27, 1942 Place of Birth VIETNAM MALAYSIA
- Previous Occupation (before 1975) VIETNAM AIRFORCE PILOT (MAJOR)  
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From June 14, 1975 To July 28, 1984
3. SPONSOR'S NAME: NGUYỄN THỊ NGUYỄN (WIFE)  
Name
- DENVER, CO 80226  
Address & Telephone  
tel (303)
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone                                        | Relationship   |
|------------------------------------------------------------------|----------------|
| <u>ANTHONY LEDUC</u><br><u>GARDEN GROVE, CA 92643, tel (714)</u> | <u>BROTHER</u> |
| <u>BANG ANTHONY TRAN</u><br><u>HOUSTON, TX 77028, tel (713)</u>  | <u>COUSIN</u>  |
| <u>BINH VAN TRAN</u><br><u>HOUSTON, TX 77096, tel (713)</u>      | <u>UNCLE</u>   |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

July 30, 1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ TRẦN CÁT  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| NONE                                     |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

# Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo Theo Cách Đoàn Tụ



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5015 ARLINGTON, VA 22203-0015  
TELEPHONE 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

IV: 116072  
VERL: #  
1-171 ☒ Yes, ☐ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. REFUGEE CAMP IN MALAYSIA =  
APPLICANT IN VIETNAM LE TRẦN CAI  
Last Middle First
- Current Address MCH 53 CAMP PULAU BIDONG  
GPO - MAIL CSTM5 BOX 12468 - 50778 KUALALUMPUR  
Date of Birth OCTOBER 27, 1942 Place of Birth VIETNAM MALAYSIA
- Previous Occupation (before 1975) VIETNAM AIRFORCE PILOT (MAJOR)  
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From JUNE 14, 1975 To JULY 28, 1984
3. SPONSOR'S NAME: NGUYỄN THỊ NGUYỄN (WIFE)  
Name  
DENVER, CO 80226  
Address & Telephone  
tel (303)
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone                                         | Relationship   |
|-------------------------------------------------------------------|----------------|
| <u>ANTHONY LEDUC</u><br><u>GARDEN GROVE, CA 92643 - tel (714)</u> | <u>BROTHER</u> |
| <u>BANG ANTHONY TRAN</u><br><u>HOUSTON, TX 77028 - tel (713)</u>  | <u>COUSIN</u>  |
| <u>BINH VAN TRAN</u><br><u>HOUSTON, TX 77096 - tel (713)</u>      | <u>UNCLE</u>   |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the GDF criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

July 30, 1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ TRẦN CÁT  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| NONE                                     |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

QUẬN Năm

~~DIỆN~~ DIỆN

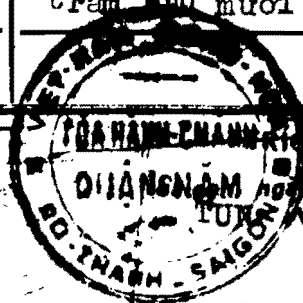
Số hiệu : 320

MIỀN PHI QUAN VU

## TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ HÔN-THỦ

Lập ngày 2 tháng 5 năm 19 69 47/17 Sinh 6

|                         |                                                               |
|-------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Tên họ chồng            | LE TRAN CAT                                                   |
| Ngày và nơi sanh        | 27. 10. 1942 tại Nam Định                                     |
| Tên họ cha chồng        | LE DINH TOAN (Sống/ <del>Chết</del> )                         |
| Tên họ mẹ chồng         | TRAN THI LIEU (Sống/ <del>Chết</del> )                        |
| Tên họ vợ               | NGUYEN THI NGUYEN                                             |
| Ngày và nơi sanh        | 22. 10. 1948 tại Bồ Trạch, Quảng Bình                         |
| Tên họ cha vợ           | NGUYEN KHOI (Sống/ <del>Chết</del> )                          |
| Tên họ mẹ vợ            | TRƯƠNG THI YEN (Sống/ <del>Chết</del> )                       |
| Ngày lập hôn thú        | hai tháng năm năm một ngàn chín<br>trăm sáu mươi chín hồi 15G |
| Có lập hôn<br>khế không |                                                               |



19 tháng 10 năm 19 73  
TƯNG VIÊN - CHỨC HỌ - TỊCH

PHAN TỰ HỒNG - HOA  
TƯNG VIÊN - CHỨC HỌ - TỊCH



## HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635  
TELEPHONE 703-560-0058INTAKE FORM (Two Copies)  
MAU DON VE LY-LICH  
\*\*\*\*\*

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ TRẦN CAT  
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)  
 DATE, PLACE OF BIRTH : October 27 1942  
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)  
 SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : ☒ Female (Nu) : ☐

MARITAL STATUS Single (Doc than) : ☐ Married (Co lap gia dinh) : ☒  
 (Tinh trang gia dinh) :

ADDRESS IN VIETNAM (1) 468/12 NGUYEN TRI PHUONG, Q. 10  
 (Dia chi tai Viet-Nam) HOCHIMINH City

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) ☒ No (Khong) ☐

If Yes (Neu co) : From (Tu) : June 14, 1975 To (Den) : July 28, 1984

PLACE OF RE-EDUCATION : CAMP XUAN LOC 564 - GRT  
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghie nghiep) : VIETNAM AIRFORCE

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : AFB LACKLAND, TEXAS, 1962  
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : MAJOR  
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : PILOT  
 Date (nam) : \_\_\_\_\_

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : ☒  
 IV Number (So ho so) : 116072  
 No (Khong) : ☐

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : NONE  
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti

MAILING ADDRESS IN <sup>VI</sup> (Dia chi lien lac tai VN) : REFUGEE CAMP IN MALAYSIA:  
MCH53 CAMP PULAU BIDONG  
GPO-MRCSTMS BOX 12468-50778 KUALALUMPUR  
MALAYSIA

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro) :  
NGUYEN THI NGUYEN (WIFE)  
DENVER, CO 80226

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (co) : ☒ No (Khong) : ☐

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan ~~tu nhan~~) : WIFE

NAME & SIGNATURE : NGUYEN THI NGUYEN x Nguyen  
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT : Tel (303)  
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE : July 30 1990  
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

(1) Current Address : MCH53 Camp PULAU BIDONG  
GPO-MRCSTMS-BOX 12468-50778 KUALALUMPUR  
MALAYSIA

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ TRẦN CÁT  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| <u>NONE</u>                              |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

6 ADDITIONAL INFORMATION

2



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435 ARLINGTON VA 22205-0635  
TELEPHONE 703-560-0058

INTAKE FORM (Two Copies)  
HÀU ĐƠN VÊ LY-LICH  
\*\*\*\*\*

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ TRẦN CAT  
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)  
DATE, PLACE OF BIRTH : October 27 1942  
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : ☒ Female (Nu) : ☐

MARITAL STATUS Single (Doc than) : ☐ Married (Co lap gia dinh) : ☒  
(Tinh trang gia dinh)

ADDRESS IN VIETNAM (1) 468/12 NGUYEN TRI PHUONG, Q. 10  
(Dia chi tai Viet-Nam) HOCHIMINH City

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) ☒ No (Khong) ☐

If Yes (Neu co) : From (Tu) : June 14, 1975 To (Den) : July 28, 1984

PLACE OF RE-EDUCATION : CAMP XUAN LOC 564-GRT  
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep) : VIETNAM AIRFORCE

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : AFB LACKLAND, TEXAS, 1962

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : MAJOR

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : PILOT  
Date (nam) : YEAR

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : ☒  
IV Number (So ho so) : 116072  
No (Khong) : ☐

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : NONE

(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti:

MAILING ADDRESS IN REFUGEE CAMP MALAYSIA  
(Dia chi lien lac tai VN) : MCH53 CAMP PULAU BIDONG  
GPO-MRCSTMS Box 12468-50778 KUALALUMPUR  
MALAYSIA

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro) :

NGUYEN THI NGUYEN (WIFE)  
DENVER, CO 80226

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky) : Yes (Co) : ☒ No (Khong) : ☐

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan) : WIFE

NAME & SIGNATURE : NGUYEN THI NGUYEN x Nguyen

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT

(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Tel (303)-  
DENVER, CO 80226

DATE : July 27 1990  
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

(1) Current Address : MCH53 Camp PULAU BIDONG  
GPO-MRCSTMS-BOX 12468-50778 KUALALUMPUR  
MALAYSIA

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ TRẦN CÁT  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| NONE                                     |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

6 ADDITIONAL INFORMATION

\*

Số 564 CRT

0015 7801 772

SHSLD

# GIẤY RA TRAI

DECLARATION OF RELEASE

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 303/QĐ ngày 26 tháng 06 năm 1984

của BC NOI VU

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh IE TRAN CAT Sinh năm 19 42  
NAME LAST MIDDLE FIRST BIRTHDAY

Các tên gọi khác

Nơi sinh Nam định

BIRTH PLACE

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt ADDRESS BEFORE ARREST

468/12 Nguyễn tri phương. Quận IO. TP/ HCM (HO CHI MINH CITY)

CHARGE Triệu tá hoa tiêu trực thăng HELICOPTER PILOT (MAJOR)

Bị bắt ngày 14/06/1975

ARREST DATE

Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tống án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 468/12 Nguyễn tri phương. Quận IO. TP/ HCM

ADDRESS AFTER RELEASE  
Nhận xét quá trình cải tạo

(Quản chế: 12 tháng)

(PROBATION: 12 months)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 10 tháng 08 năm 1984

Lưu trữ ngôn từ phải

của LÊ TRẦN CÁT

Danh biên số

Lập tại

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Lê trần Cát

RELEASE DATE

Ngày 28 tháng 7 năm 1984

Giám thị JAILER

Thị trấn: Trịnh văn.Thích

PHÁP XUAN LOO

Số 564 CRT

00157801772

SHSLD

GIẤY RA TRAI

DECISION OF RELEASE

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 303/QĐ ngày 26 tháng 06 năm 1984

của BC NOI VU

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh LE TRAN CAT Sinh năm 19 42

Các tên gọi khác LAST MIDDLE FIRST BIRTHDAY

Nơi sinh Nam định

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt ADDRESS BEFORE ARREST

468/12 Nguyễn tri phương. Quận 10. TP/ HCM (Ho Chi Minh City)

Can tội DAN LẠC Điều tá hoa tiêu trực thăng HELICOPTER PILOT (MAJOR)

Bị bắt ngày 14/06/1975 An phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 468/12 Nguyễn tri phương. Quận 10. TP/ HCM CHI MINH

ADDRESS AFTER RELEASE

Nhận xét quá trình cải tạo

(Quản chế: 12 tháng)

(PROBATION: 12 months)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 10 tháng 08 năm 1984

Lên tay ngón trỏ phải

Của Lê trần Cát

Danh bân số

Lập tại

Họ tên, chữ ký  
người được cấp giấy

Lê trần Cát

Lê trần Cát

RELEASE DATE

Ngày 28 tháng 1 năm 1984

Giám thị JAILER

Thị trấn: Trịnh văn Thái



# HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

## FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 3435, ARLINGTON VA 22205-0635  
TELEPHONE 703-560-0058

INTAKE FORM (Two Copies)  
MAU DON VE LY-LICH  
\*\*\*\*\*

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ TRẦN CAT  
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)  
DATE, PLACE OF BIRTH : October 27 1942  
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)  
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ✓ Female (Nu): \_\_\_\_\_  
MARITAL STATUS Single (Doc than): \_\_\_\_\_ Married (Co lap gia dinh): ✓  
(Tinh trang gia dinh):  
ADDRESS IN VIETNAM (1) H 62/12 NGUYEN THI PHUONG, Q 10,  
(Dia chi tai Viet-Nam) HO CHI MINH CITY  
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ✓ No (Khong) \_\_\_\_\_  
If Yes (Neu co): From (Tu): June 14, 1975 To (Den): July 28, 1984  
PLACE OF RE-EDUCATION: CAMP XUAN LEE 524-GPT  
CAMP (Trai tu)  
PROFESSION (Nghe nghiep): VIETNAM ARMY  
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): AFB LACKLAND, TEXAS, 1962  
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): MAJOR  
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): PILOT  
Date (nam): \_\_\_\_\_  
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ✓  
IV Number (So ho so): 116072  
No (Khong): \_\_\_\_\_  
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguai di theo): NONE  
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti  
MAILING ADDRESS IN REFUGEE CAMPIN MALAYSIA  
(Dia chi lien lac tai VN): MCH 53 CAMP PULAU BIDONG  
GPO-MRCSTHS, BOX 12468-50778 KUALALUMPUR  
MALAYSIA  
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguai Bao tro):  
NGUYEN THI NGUYEN (WIFE)  
DENVER, CO 80226  
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): ✓ No (Khong): \_\_\_\_\_  
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): WIFE  
NAME & SIGNATURE: NGUYEN THI NGUYEN  
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT  
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguai dien don nay) TL (303-  
DENVER, CO 80226  
DATE: August 15, 1984  
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

(1) Current address = MCH 53 Camp Pulau Bidong  
GPO-MRCSTHS, BOX 12468-50778 KUALALUMPUR  
MALAYSIA

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ TRẦN CÁT  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| NONE                                     |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

6 ADDITIONAL INFORMATION

x



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 3435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE 703-560-0058

INTAKE FORM (Two Copies)  
MAU DON VE LY-LICH  
\*\*\*\*\*

NAME (Ten Tu-nhan) : LÊ TRẦN CAT  
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten gọi)  
DATE, PLACE OF BIRTH : October 27 1942  
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)  
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ✓ Female (Nu): \_\_\_\_\_  
MARITAL STATUS Single (Doc than): \_\_\_\_\_ Married (Co lap gia dinh): ✓  
(Tinh trang gia dinh):  
ADDRESS IN VIETNAM : 462/12 NGUYEN TRI PHUONG, Q 10,  
(Dia chi tai Viet-Nam) HO CHI MINH CITY  
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ✓ No (Khong) \_\_\_\_\_  
If Yes (Neu co): From (Tu): June 14, 1975 To (Den): July 28, 1984  
PLACE OF RE-EDUCATION: CAMP XUAN LÔ 564 - CRT  
CAMP (Trai tu):  
PROFESSION (Nghe nghiep): VIETNAM ARMY  
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): AFB LACKLAND, TEXAS, 1962  
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): MAJOR  
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): PILOT  
Date (nam): \_\_\_\_\_  
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ✓  
IV Number (So ho so): 116072  
No (Khong): \_\_\_\_\_  
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): NONE  
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti  
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): REFUGEE CAMP IN MALAYSIA  
GPO. MR C5TH3, Box 12468, 50778 KUALALUMPUR  
MALAYSIA  
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):  
NGUYEN THI NGUYEN (WIFE)  
DENVER, CO 80226  
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): ✓ No (Khong): \_\_\_\_\_  
RELATIONSHIP WITH PRISONER. (Lien he voi tu nhan tai VN): WIFE  
NAME & SIGNATURE: NGUYEN THI NGUYEN  
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT  
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Tel (303-) 80226  
DATE: 27/10/1984  
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ TRẦN CÁT  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| NONE                                     |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

6 ADDITIONAL INFORMATION

K

BỘ NỘI VỤ  
Trại XUAN LOO

Số 564 CRI

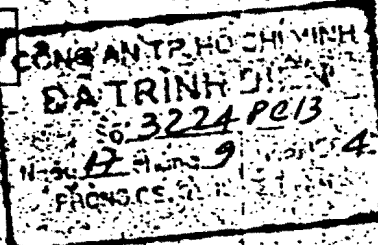
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Học tập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0 0 1 5 7 8 0 1 7 7 2

SHSLD

## GIẤY RA TRẠI



Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thi hành án văn, quyết định tha số 303/QĐ ngày 26 tháng 06 năm 1984

của BCS NOI VU

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh LÊ TRẦN CÁT Sinh năm 19 42

Các tên gọi khác

Nơi sinh Nam định

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

468/12 Nguyễn tri phương. Quận IO. TP/ HCM

Cán tội Thiếu tá hoa tiêu trực thăng

Bị bắt ngày 14/06/1975

Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tống án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 468/12 Nguyễn tri phương. Quận IO. TP/ HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

(Quản chế: 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 10 tháng 08 năm 1984

Lưu trữ ngôn ngữ phải  
Cán LÊ TRẦN CÁT  
Danh bạ số  
Lập tại

Họ tên, chữ ký  
người được cấp giấy

Lê trần Cát

Ngày 28 tháng 7 năm 1984

Giám thị

Trọng tế: Trịnh Văn Thái

# Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo Theo Cách Đoàn Tụ



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5415 ARLINGTON VA 22205 DESS  
TELEPHONE 703-560-0058

**POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM**  
(Two Copies)

IV # 116072

VEWL # \_\_\_\_\_

I-171 : Yes No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. REFUGEE CAMP IN MALAYSIA:
1. APPLICANT IN VIETNAM LE TRÂN CAIT  
Last Middle First
- Current Address MCH 53 CAMP PULAU BIDONG  
GPO - MR CSTMS BOX 12468 - 50778 KUALALUMPUR
- Date of Birth OCTOBER 27, 1942 Place of Birth VIETNAM MALAYSIA
- Previous Occupation (before 1975) VIETNAM ARMY - PILOT  
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From JUNE 14, 1975 To JULY 28, 1984
3. SPONSOR'S NAME: NGUYỄN THỊ NGUYỄN (WIFE)  
Name
- DENVER, CO 80226  
Address & Telephone
- 212 (303)
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone                                         | Relationship   |
|-------------------------------------------------------------------|----------------|
| <u>ANTHONY LÊ DUC</u><br><u>GARDEN GROVE, CA 92643, 212 (714)</u> | <u>BROTHER</u> |
| <u>BANG ANTHONY TRẦN</u><br><u>HOUSTON, TX 77028, 212 (713)</u>   | <u>COUSIN</u>  |
| <u>BINH VAN TRẦN</u><br><u>HOUSTON, TX 77095, 212 (713)</u>       | <u>UNCLE</u>   |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the GDP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date: SEP 15 1984

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ TRẦN CÁT  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| NONE                                     |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

6 ADDITIONAL INFORMATION

\*

# Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo Theo Cách Đoàn Tụ



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5415 ARLINGTON, VA 22205-0515  
TELEPHONE 703-560-0008

**POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM**  
(Two Copies)

IV # 116072  
VENL.# \_\_\_\_\_  
I-171: Yes No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

- REFUGEE CAMP IN MALAYSIA:
1. APPLICANT IN VIETNAM: LE TRÂN CAI  
Last Middle First
- Current Address MCH 53 CAMP PULAU BIDONG  
GPO - MR CSTMS. BOX 12468 - 50778 KUALALUMPUR
- Date of Birth OCTOBER 27, 1942 Place of Birth VIETNAM MALAYSIA
- Previous Occupation (before 1975) VIETNAM ARMY - PILOT  
(Rank & Position)
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From June 14, 1975 To July 28, 1984
3. SPONSOR'S NAME: NGUYỄN THỊ NGUYỄN (WIFE)  
Name
- DENVER, CO 80226  
Address & Telephone  
212 (303)
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone                                         | Relationship     |
|-------------------------------------------------------------------|------------------|
| <u>ANTHONY LÊ DUC</u><br><u>GARDEN GROVE, CA 92643, 212 (714)</u> | <u>- BROTHER</u> |
| <u>BANG ANTHONY TRẦN</u><br><u>HOUSTON, TX 77028, 212 (713)</u>   | <u>- COUSIN</u>  |
| <u>BINH VAN TRẦN</u><br><u>HOUSTON, TX 77095, 212 (713)</u>       | <u>- UNCLE</u>   |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date: August 1, 1984

PART 2

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LÊ TRẦN CÁT  
(PLEASE PRINT NAME)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| <u>NONE</u>                              |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS (if different from above)

\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 116072

VEWL.#: \_\_\_\_\_

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: \_\_\_\_\_

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE TRAN CAT  
Last Middle First

Current Address: 468/12 Nguyen Tri Quuong F9 Q10 TP HCM

Date of Birth: 10/27/42 Place of Birth: Nam dinh

Previous Occupation (before 1975) Major in AR Force  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06-14-75 To 06-26-84  
Years: 9 Months: \_\_\_\_\_ Days: \_\_\_\_\_

3. SPONSOR'S NAME: \_\_\_\_\_  
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

Nguyen Thu Nguyen

Lake wood Ca 80226

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: \_\_\_\_\_

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : \_\_\_\_\_  
 (Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES: | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|-------------------------------------------|---------------|---------------------|
|                                           |               |                     |
|                                           |               |                     |
|                                           |               |                     |
|                                           |               |                     |
|                                           |               |                     |
|                                           |               |                     |
|                                           |               |                     |
|                                           |               |                     |
|                                           |               |                     |
|                                           |               |                     |
|                                           |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

\_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_

6. ADDITIONAL INFORMATION :

ODP CHECK FORM

Date: 5/2/89

To: MR. DANIEL SULLIVAN  
RP/RAP/SEA (ODP)  
Department of State  
Washington, D.C. 20520

From: Families of Vietnamese Political Prisoners Association  
P.O.BOX 5435 - Arlington, Virginia 22205-0635

Name: LE TRAN CAT

Date of Birth: 10-27-42 Nam Dinh

Address in VN 468/12 Ng Tri Phuong  
F-9 Q.10 TP. HCM.

Spouse Name: Nguyen thi Nguyen (USA)

Number of Accompanying Relatives:                     

Reeducation Time: 9 Years            Months            Days

IV # 116072.

VEWL #                     

I-171 :            Yes:            No. - EXIT PERMIT:            Yes ;            No.

Special List #                     

Sponsor: Nguyen thi Nguyen

Lake wood. Co 20226. Tel (303)

Remarks:

(From Mr. Sullivan)

Sincerely,

KHUC MINH THO

Tel. # 358-5154 (0) - 560-0058 (H)



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5433, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE 703-560-0058

INTAKE FORM (Two Copies)  
MAU DON VE LY-LICH  
\*\*\*\*\*

NAME (Ten Tu-nhan) : LE TRAN CAT  
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)  
DATE, PLACE OF BIRTH : 10-27-42 NAM DINH VIETNAM  
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)  
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam) : ☒ Female (Nu) : ☐  
MARITAL STATUS Single (Doc than) : ☐ Married (Co lap gia dinh) : ☒  
(Tinh trang gia dinh):  
ADDRESS IN VIETNAM : 468/12 NGUYEN TRI PHUONG  
(Dia chi tai Viet-Nam) F9, QUAN 10, TP/ HO CHI MINH  
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong) : Yes (Co) ☒ No (Khong) ☐  
If Yes (Neu co) : From (Tu) : 6-14-75 To (Den) : 6-26-84  
PLACE OF RE-EDUCATION : XUAN LOC  
CAMP (Trai tu)  
PROFESSION (Nghe nghiep) : THIEU TA HOA TIEU TRUC THANG  
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My) : 06-62 to 04-63 VN AIR FORCE CADET  
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac) : KHONG QUAN THIEU TA  
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu) : NA Date (nam) :           
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP) : Yes (Co) : ☒  
IV Number (So ho so) : 116072  
No (Khong) : ☐  
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo) : 0  
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti  
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN) : 468/12 NGUYEN TRI PHUONG  
P. 9, QUAN 10, TP/ HO CHI MINH  
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro) :  
NGUYEN THI NGUYEN  
LAKEWOOD, CO 80226  
U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky) : Yes (co) : PENDING No (Khong) : ☐  
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN) : VO  
NAME & SIGNATURE : Nguyen Thi Nguyen  
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT  
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) NGUYEN THI NGUYEN  
LAKEWOOD, CO 80226  
DATE : 8 8 88  
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NA  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| NA                                       |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

\_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_

6. ADDITIONAL INFORMATION :

## ***Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo***

Nguyệt San Chứng Nhân xin gửi đến quý độc giả muốn bảo lãnh thân nhân Cựu Tù Nhân Cải tạo qua đường ODP, hai mẫu đơn mỗi mẫu in hai mặt, có thể dùng kéo cắt ra, để điền vào, xin bảo lãnh cho thân nhân của mình.

- Mẫu thứ nhất là mẫu ghi danh người được bảo lãnh.

- Mẫu thứ hai là mẫu hồ sơ lý lịch của người được bảo lãnh.

Hai mẫu đơn này sau khi được hoàn tất, xin gửi chung cả hai mẫu về địa chỉ của:

**HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ  
VIỆT NAM**

**P.O. BOX 5435**

**Arlington, VA 22205-0635**

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Bà Thợ)

Nguyệt San Chứng Nhân được biết, những đơn xin bảo lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo sẽ được Hội chuyển thẳng đến bộ ngoại giao Hoa Kỳ để chờ can thiệp.

# Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo Theo Cách Đoàn Tụ



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE 703-560-0058

**POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM**  
(Two Copies)

IV # 116072

VEWL.# \_\_\_\_\_

I-171 : Yes, ☒ No ☐

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE TRAN CAT  
Last Middle First

Current Address 468/12 NGUYEN TRI PHUONG, Q.10 TP/HO CHI MINH

Date of Birth 10-27-42 Place of Birth NAM DINH VIETNAM

Previous Occupation (before 1975) THIEU TA HOA TIEU TRUC THANG  
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 6-14-75 To 6-26-84

3. SPONSOR'S NAME: NGUYEN THI NGUYEN  
Name

LAKEWOOD, CA 90226  
Address & Telephone  
Tel (303)

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone     | Relationship   |
|-------------------------------|----------------|
| <u>ANTHONY LIE DUC</u>        | <u>Brother</u> |
| <u>GARDEN GROVE, CA 92643</u> |                |
| <u>(114)</u>                  |                |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: ✓ 8.8.88

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NA  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| NA                                       |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

---



---

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Nguyệt San Chứng Nhân xin gửi đến quý độc giả muốn bảo lãnh thân nhân Cựu Tù Nhân Cải tạo qua đường ODP, hai mẫu đơn mỗi mẫu in hai mặt, có thể dùng kéo cắt ra, để điền vào, xin bảo lãnh cho thân nhân của mình.

- Mẫu thứ nhất là mẫu ghi danh người được bảo lãnh.

- Mẫu thứ hai là mẫu hồ sơ lý lịch của người được bảo lãnh.

Hai mẫu đơn này sau khi được hoàn tất, xin gửi chung cả hai mẫu về địa chỉ của:

**HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM**

**P.O. BOX 5435**

**Arlington, VA 22205-0635**

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Bà Thợ)

# Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo Theo Cách Đoàn Tụ



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

IV # 116072

VEWL.# \_\_\_\_\_  
I-171 : Yes, ☒ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

- APPLICANT IN VIETNAM LE TRAN CAT  
Last Middle First  
Current Address 468/12 NGUYEN TRI PHUONG, Q.10 TP/HO CHI MINH  
Date of Birth 10-27-42 Place of Birth NAM DINH VIETNAM  
Previous Occupation (before 1975) THIEU TA HOA TIEU TRUC THANG  
(Rank & Position)
- TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 6-14-75 To 6-26-84
- SPONSOR'S NAME: NGUYEN THI NGUYEN  
Name  
LAKEWOOD, CA 90226  
Address & Telephone  
Tel (303)
- NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| Name, Address & Telephone     | Relationship   |
|-------------------------------|----------------|
| <u>ANTHONY LE DUC</u>         | <u>Brother</u> |
| <u>GARDEN GROVE, CA 92643</u> |                |
| <u>(114)</u>                  |                |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: 8.8.88

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NA  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| NA                                       |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

---



---

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Nguyệt San Chứng Nhân xin gửi đến quý độc giả muốn bảo lãnh thân nhân Cựu Tù Nhân Cải tạo qua đường ODP, hai mẫu đơn mỗi mẫu in hai mặt, có thể dùng kéo cắt ra, để điền vào, xin bảo lãnh cho thân nhân của mình.

- Mẫu thứ nhất là mẫu ghi danh người được bảo lãnh.

- Mẫu thứ hai là mẫu hồ sơ lý lịch của người được bảo lãnh.

Hai mẫu đơn này sau khi được hoàn tất, xin gửi chung cả hai mẫu về địa chỉ của:

**HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM**

**P.O. BOX 5435**

**Arlington, VA 22205-0635**

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Bà Thợ)



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

PO BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

INTAKE FORM (Two Copies)  
MAU DON VE LY-LICH  
\*\*\*\*\*

NAME (Ten Tu-nhan) : LE TRAN CAT  
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)  
DATE, PLACE OF BIRTH : 10-27-42 NAM DINH VIETNAM  
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)  
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ☒ Female (Nu): ☐  
MARITAL STATUS Single (Doc than): ☐ Married (Co lap gia dinh): ☒  
(Tinh trang gia dinh):  
ADDRESS IN VIETNAM : 468/12 NGUYEN TRI PHUONG  
(Dia chi tai Viet-Nam) F9, QUAN 10, TP/ HO CHI MINH  
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ☒ No (Khong) ☐  
If Yes (Neu co): From (Tu): 6-14-75 To (Den): 6-26-84  
PLACE OF RE-EDUCATION: XUAN LOC  
CAMP (Trai tu)  
PROFESSION (Nghe nghiep): THIEU TA HOA TIEU TRUC THANG  
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): 06-62 to 04-63 VNAIR FORCE CADET  
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): KHONG QUAN - THIEU TA  
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): KA Date (nam):         
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ☒  
IV Number (So ho so): 116072  
No (Khong): ☐  
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 0  
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti  
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 468/12 NGUYEN TRI PHUONG  
P. 9, QUAN 10, TP/ HO CHI MINH  
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):  
NGUYEN THI NGUYEN  
LAKEWOOD, CO 80226  
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): PENDING No (Khong): ☐  
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): VỢ  
NAME & SIGNATURE: Nguyen Thi Nguyen  
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT  
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) NGUYEN THI NGUYEN  
LAKEWOOD, CO 80226  
DATE: 8 8 88  
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NA  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| NA                                       |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

6. ADDITIONAL INFORMATION :

## ***Bảo Lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo***

Nguyệt San Chứng Nhân xin gửi đến quý độc giả muốn bảo lãnh thân nhân Cựu Tù Nhân Cải tạo qua đường ODP, hai mẫu đơn mỗi mẫu in hai mặt, có thể dùng kéo cắt ra, để điền vào, xin bảo lãnh cho thân nhân của mình.

- Mẫu thứ nhất là mẫu ghi danh người được bảo lãnh.

- Mẫu thứ hai là mẫu hồ sơ lý lịch của người được bảo lãnh.

Hai mẫu đơn này sau khi được hoàn tất, xin gửi chung cả hai mẫu về địa chỉ của:

**HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM**

**P.O. BOX 5435**

**Arlington, VA 22205-0635**

Nếu có thắc mắc, xin viết thư về địa chỉ trên hoặc gọi điện thoại số (703) 560-0058 (Bà Thợ)

Nguyệt San Chứng Nhân được biết, những đơn xin bảo lãnh Cựu Tù Nhân Cải Tạo sẽ được Hội chuyển thẳng đến bộ ngoại giao Hoa Kỳ để chờ can thiệp.

MINISTRY OF THE INTERIOR  
XUAN LOC CAMP

1V# 116072  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
INDEPENDENCE - LIBERTY - HAPPINESS

No. 564/GRT

00157801772

CAMP RELEASE ORDER

Based on Directive No. 966-BAC/TT dated May 05, 1961 from the Ministry of the Interior.

To execute the Release order No. 303/QD dated June 26, 1984 from the Ministry of the Interior.

The release of the following named individual is hereby granted:

Full name: LE TRAN CAT  
Date of birth: 1942  
Place of birth: Nam Dinh  
Registered address prior to arrest: 468/12 Nguyen Tri Phuong,  
10th District, Ho Chi Minh City  
Charge: Major, Helicopter Pilot  
Date of arrest: June 14, 1975  
Sentence: Reeducation Camp  
Address after release: 468/12 Nguyen Tri Phuong, 10th District,  
Ho Chi Minh City

Comments on reeducational process:

(Surveillance: 12 months)

The individual concerned must report to the People's Committee,  
Ward - Village.  
Before August 10, 1984.

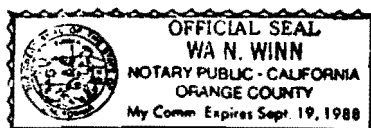
|                                             |                                                                    |                                                                                           |
|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| Right index finger print of<br>LE TRAN CAT  | Full name & signature<br>of the bearer:<br>Le Tran Cat<br>(Signed) | July 28, 1984.<br>The Superintendent:<br>TRINH VAN THICH,<br>Colonel<br>(Signed & Sealed) |
| STATE OF CALIFORNIA )<br>COUNTY OF ORANGE ) | SS.                                                                |                                                                                           |

LONG K. NGUYEN, J.D., a State Certified and official Court Interpreter/  
Translator of WEST ORANGE COUNTY MUNICIPAL COURT, California, being duly sworn,  
deposes and says:

That he has made the above translation from the attached Vietnamese document  
and that it is a true and correct copy to the best of his knowledge and belief.

*Long K. Nguyen*  
LONG K. NGUYEN, J.D.

Subscribed and sworn to before me on December 22, 1987.



*WA N. Winn*  
WA N. WINN, Notary Public

Fr: Nguyen Nguyen Thi

Lakewood, Co. 80226



Calico Scallop



Calico Scallop

To: Hội Gia Đình Tự Nhân Chính Trị Vietnam

P.O. Box 5435

Arlington, VA 22205-0635